**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 17**

Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 29/12/2023

**Cách ngôn: *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài giảng** |
| **Hai** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **HĐTT**  **Tập đọc**  **Toán**  **Chính tả** | **Chào cờ**  **Ngu công xã Trịnh Tường**  **Luyện tập chung**  **Người mẹ của 51 đứa con** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Lịch sử**  **LTVC**  **KChuyện** | **Ôn tập**  **Ôn tập về từ và cấu tạo từ**  **Kể chuyện đã nghe,đã đọc** |
| **Ba** |
| **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Toán**  **Khoa học**  **TLV**  **/** | **Luyện tập chung**  **Ôn tập và kiểm tra học kỳ 1**  **Ôn tập về viết đơn** |
| **Chiều** |  |  |  |
| **Tư** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **/**  **/**  **Tập đọc**  **Toán** | **Ca dao về lao động sản xuất**  **Giới thiệu máy tính bỏ túi** |
| **Chiều** |  |  |  |
| **Năm** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Toán**  **LT&C**  **Địa lý**  **Khoa học** | **Sử dụng máy tính bỏ túi để giải toán về tỉ số phần trăm**  **Ôn tập về câu**  **Ôn tập**  **Ôn tập và kiểm tra học kỳ 1** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **HĐTT**  **TLV**  **Kĩ Thuật** | **Chủ điểm: Uống nước nhớ nguồn**  **Trả bài văn tả người**  **Một số giống gà được nuôi nhiều ở nước ta** |
| **Sáu** | **Sáng** | **/** | **/** |  |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Toán**  **HĐTT**  **Đạo đức** | **Hình tam giác**  **Sinh hoạt lớp**  **Sử dụng tiền hợp lí( tiết 4)** |

**Thứ Hai,ngày 25/12/2023**

Tập đọc: Tiết 33:

***NGU CÔNG XÃ TRỊNH TƯỜNG***

***Theo Trường Giang - Ngọc Minh***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Hiểu ý nghĩa bài văn : Ca ngợi ông Lìn cần cù, sáng tạo, dám thay đổi tập quán canh tác của cả một vùng, làm thay đổi cuộc sống của cả thôn. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**-** Biết đọc diễn cảm bài văn .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có ý thức và trách nhiệm học tập cần cù, chủ động, sáng tạo.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( HĐ1 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( HĐ2, HĐ3, HĐ4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh minh hoạ trang 146, bảng phụ viết sẵn đoạn văn cần luyện đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Tổ chức cho học sinh thi đọc bài ***Thầy cúng đi bệnh viện*** và trả lời câu hỏi  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (28 phút)**  **Hoạt động 1:** Đọc văn bản(14 ph)  - Chia phần: 3 đoạn  - HD giải nghĩa từ khó :    - Đọc diễn cảm cả bài.  **H/ động 2:** Tìm hiểu nội dung(14 ph)  Câu 1: Ông Lìn đã làm thế nào để đưa được nước về thôn ?  Câu 2: Nhờ có mương nước, tập quán canh tác và cuộc sống ở thôn Phìn Ngan đã thay đổi như thế nào ?  Câu 3: Ông Lìn đã nghĩ ra cách gì để giữ rừng, bảo vệ dòng nước ?  - Liên hệ : Em làm gì để bảo vệ nguồn nước, cây cối?  Câu 4: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?  **3. Luyện tập:LĐ diễn cảm (5 phút )**  -HD đọc diễn cảm đoạn 1  -Tổ chức thi đọc diễn cảm  **\* Củng cố, dặn dò** **(2 phút )**  - Địa phương em có những loại cây trồng nào giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo ?  - Nhận xét tiết học | -2HS thi đọc và trả lời câu hỏi  - Đọc nối tiếp 3 đoạn .  Đoạn 1: Từ đầu … trồng lúa .  Đoạn 2: Tiếp … như trước nữa .  Đoạn 3 : Còn lại .  - Luyện đọc từ ngữ khó: Phàn Phù Lìn, Phìn Ngan, xuyên, vỡ thêm, ngỡ ngàng, ngoằn ngoèo,….  - Câu khó : “Khách đến…đồi cao”  - Giải nghĩa từ: Ngu Công, cao sản  - Luyện đọc nhóm đôi  - 1 HS đọc toàn bài  - Ông lần mò cả tháng trong rừng tìm nguồn nước, cùng vợ con đào…từ rừng già về thôn.  - Về tập quán canh tác, đồng bào không làm nương như trước mà trồng lúa nước…Về đời sống, ….không còn hộ đói.  - Ông hướng dẫn bà con trồng cây thảo quả.  + không vứt rác bừa bãi, chăm sóc cây trồng,…  - Ông Lìn đã chiến thắng đói nghèo, lạc hậu nhờ quyết tâm và tinh thần vượt khó.  - Bằng trí thông minh và lao động sáng tạo, ông Lìn đã làm giàu cho mình, làm cho cả thôn từ nghèo đói vươn lên thành thôn có mức sống cao.  - Luyện đọc diễn cảm  -Tham gia thi đọc diễn cảm  - HS nêu: - Cây nhãn, cam, bưởi,... |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán** (tiết81)

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I/YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1/ Kiến thức, kĩ năng :**

- Biết thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

*- Bài tập cần làm: Bài 1 ( a ), bài 2 ( a ), bài 3.* *HS năng khiếu làm BT1(b,c); BT2b; BT4*

- Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

**2/ Phẩm chất, năng lực :**

**-** Yêu thích học toán

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. ( Bài 1,2,3 )

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III/HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy của GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1.Khởi động:(5phút)**  - Cho HS hát .  - Cho HS thi đua làm bài tập.  + Tìm một số biết 30% của nó là 72 ?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành: ( 32 ph )**  *Bài 1:( 5 ph )*  - Gọi HS đọc y/c  - Cho HS lên bảng làm bài.GV theo dõi. GV nhận xét .  *Bài 2:( 10 ph)*  - Gọi HS đọc y/c  - GV hướng dẫn sửa bài cả lớp.  - Y/c HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính của biểu thức số.  *Bài 3:( 17 ph)*  *-*  Cho HS đọc đề toán.  + Đề toán cho gì?  + Đề toán hỏi gì?  + Muốn biết từ cuối năm 2000 đến cuối năm 2001 số dân của phường đó tăng thêm bao nhiêu phần trăm ta làm thế nào?  + Muốn tìm số dân tăng thêm, ta làm thế nào?  - Cho HS thảo luận tìm giải bài.  - GV nhận xét.  *Bài 4:* ***Dành cho HS năng khiếu .***  ***3. Vận dụng : ( 3 ph )***  - Cho HS vận dụng làm phép tính sau:  ( 48,2 + 22,69 ) : 8,5  - Nhận xét tiết học .  - Bài sau: **Luyện tập chung.** | - HS hát  - 2 HS thi làm bài tập  72 100 : 30 = 240  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc y/c  - 1HS làm bài trên bảng. Cả lớp làm vào bảng con.  *a) 5,16*  ***\* HS năng khiếu làm BT1b, c.***  *b) 0,08 ; c) 2,6*  **( Nhóm 2 )**  - HS đọc y/c  - Thảo luận theo nhóm 2, làm bài.  *a. ( 131,4 – 80,8 ): 2,3 + 21,84 x 2*  *= 50,6 : 2,3 + 43,68*  *= 22 + 43,68*  *= 65,68*  - HS nêu.  ***\* HS năng khiếu làm hết BT2b.***  *b) 1,5275*  **\* ( Nhóm 4 )**  - HS đọc đề  - HS trả lời  - Thảo luận, làm bài.  *Giải:*  *a) Từ cuối năm 2000 đến cuối năm 2001 số người tăng thêm là :*  *15875 – 15625 = 250 (người)*  *Tỉ số phần trăm số dân tăng thêm:*  *250 : 15625 = 0,016 ; = 0,016 = 1,6%*  *b)Từ cuối năm 2001 đến cuối năm 2002 số người tăng thêm là:*  *15875 x 1,6 :100= 254(người)*  *Cuối năm 2002 số dân của phường đó là:*  *15875 + 254 = 16129 (người)*  *Đáp án: C*  - HS làm bài  ( 48,2 + 22,69 ) : 8,5 = 70,89 : 8,5  = 8,34 |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Chính tả: Tiết 17:

***NGƯỜI MẸ CỦA 51 ĐỨA CON***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Nghe- viết đúng bài chính tả ***Người mẹ của 51 đứa con***; trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi (BT1). Làm được bài tập 2

**-** Rèn kĩ năng phân tích mô hình cấu tạo của tiếng

**2. Phẩm chất, năng lực:**

**-** Giáo dục HS ‎ thức viết đúng chính tả, giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ. ( HĐ1, HĐ2, HĐ3, BT2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập, mô hình cấu tạo vần viết sẵn trên bảng

- Học sinh: Vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS thi tìm từ ngữ có chứa tiếng ***vàng/ dàng***  - Chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 4 bạn lần lượt tìm từ ngữ có chứa tiếng ***vàng/ dàng***  - Đội nào đặt câu đúng và nhiều hơn thì đội đó thắng.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 25 phút )**  **Hoạt động 1: *HD viết***  - Đọc đoạn văn .  - Nội dung đoạn văn nói gì?  - Luyện viết từ ngữ khó:  **Hoạt động 2:** HS viết chính tả  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3.  **Hoạt động 3:** **Chấm bài, nhận xét**  - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS.  **3. Luyện tập, thực hành (8 ph)**  Bài 2**:** Cho HS đọc bài tập.  - Nêu yêu cầu đề .  a) Yêu cầu HS lần lượt chép vần của tiếng vào mô hình cấu tạo vần.( nhóm 2)  - Tiếng nào có đủ 3 phần của bộ phận vần?  - Tiếng nào có âm chính là nguyên âm đôi?  - Tiếng nào không có âm cuối?  \* Vậy trong bộ phận vần , bộ phận nào có thể vắng mặt?  b) Tìm những tiếng bắt vần với nhau .  + Trong thơ lục bát, tiếng thứ 6 của dòng 6 bắt vần với tiếng thứ 6 của dòng 8 .  **\*Củng cố, dặn dò(1 ph)**  **-** Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai  - GV nhận xét giờ học | - HS chơi trò chơi  - Cả lớp đọc thầm  - Ca ngợi tấm lòng nhân ái, hi sinh hạnh phúc cá nhân để cưu mang 51 đứa trẻ mô côi của người phụ nữ Nguyễn Thị Phú .  - Viết bảng con : Lý Sơn, Quảng Ngãi, bươn chải , cưu mang , nuôi dưỡng , thức khuya  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả.  - HS nộp vở  - HS nghe  - Đọc đề , nêu yêu cầu .  a) Chép vần của từng tiếng trong câu thơ lục bát vào mô hình cấu tạo vần.  b) Tìm những tiếng bắt vần với nhau.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Vần | | | | Âm đệm | Âm chính | Âm cuối | | tiền |  | iê | n | | tuyến | U | yê | n | | yêu |  | yê | u | | nước |  | ươ | c | | đôi |  | ô | i | | hiền |  | iê | n |   - tuyến  - tuyến , yêu , tiền, nước, hiền  - ra , xa, cả, mẹ .  - Âm cuối , âm đệm .  - Tiếng **xôi** bắt vần với tiếng **đôi .**  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử:**

**ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Giúp học sinh nhớ lại những mốc thời gian, những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất từ năm 1858 đến năm 1950 và ý nghĩa của những lịch sử đó.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước, ham tìm hiểu lịch sử.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: sách giáo khoa.

- Học sinh: sách, vở BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS viết vở |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Làm việc nhóm  - GV đưa ra mốc thời gian, HS thảo luận nhóm tìm sự kiện tương ứng với mốc thời gian đó.  + Năm 1858  + Nửa cuối thế kỉ XIX  + Đầu thế kỉ XX  + Ngày 3-2-1930  + Ngày 19-8-1945  + Ngày 2-9-1945  - GV nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 2:** Làm việc cá nhân  - GV đưa ra các sự kiện.  - Yêu cầu HS nêu ý nghĩa lịch sử của các sự kiện trên.  + Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời  + Cách mạng tháng Tám  + Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.  + Chiến thắng Biên giới thu – đông 1950  - GV nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 3:** Ôn lại kiến thức vừa ôn.  - Trò chơi: “Hái hoa dân chủ” .  - Mỗi nhóm cử đại diện lên bốc thăm câu hỏi theo nội dung bài học và trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe.  - HS trình bày.  + Thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước ta  + Phong trào chống Pháp của Trương Định và phong trào Cần Vương  + Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu  + Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời  + Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội  + Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập  - HS lắng nghe  - HS trả lời.  - HS tham gia trò chơi.  - Lớp nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Luyện từ và câu: Tiết 33:

***ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Tìm và phân loại được từ đơn , từ phức ; từ đồng nghĩa , từ nhiều nghĩa , từ đồng âm, từ trái nghĩa theo yêu cầu của các bài tập trong SGK .

**-** Rèn kĩ năng phân loại từ đơn, từ phức; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa; từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có tinh thần và trách nhiệm, tự tin, cẩn thận, tỉ mỉ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ, phiếu học tập

- Học sinh: Vở viết, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  Cho HS thi đặt câu:  - Đặt câu miêu tả đôi mắt của một em bé .  - Đặt câu miêu tả dáng đi của một người .  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 phút)**  Bài 1 :  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  Bài 2 :  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  Bài 3 :  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  Bài tập 4 :  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .    **\*Củng cố, dặn dò** **( 2 phút )**  - Tìm từ láy từ các từ sau: xanh, trắng, xinh  - GV nhận xét tiết học . | - HS thi đặt câu  - Lập bảng phân loại các từ trong khổ thơ. Tìm thêm ví dụ cho các kiểu cấu tạo từ .  - Thảo luận nhóm đôi, nêu miệng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Từ đơn | Từ phức | | | Từ ghép | Từ láy | | Từ trong khổ thơ | hai; bước; đi; trên; cát; ánh; biển; xanh; bóng; cha; dài; bóng; con; tròn | cha con; mặt trời; chắc nịch. | rực rỡ; lênh khênh. | | Ví dụ | nhà; cây; hoa; lá; ổi; mèo; … | Trái đất; hoa hồng; sầu riêng;… | lao xao; đu đủ; xa xa; .. |   - Các từ trong mỗi nhóm dưới đây có quan hệ với nhau như thế nào .  - Thảo luận nhóm đôi, trả lời .  a) **Đánh** trong các từ ngữ: **đánh** cờ , **đánh** giặc **, đánh** trống là một từ nhiều nghĩa.  b)**Trong** trong các từ: trong **veo**; trong **vắt**; trong **xanh** là những từ đồng nghĩa.  c) **Đậu** trong các từ: thi **đậu**; chim **đậu** trên cành; xôi **đậu** là từ đồng âm với nhau.  - Tìm các từ đồng nghĩa với từ in đậm trong bài văn  - Thảo luận nhóm 4  a) Các từ đồng nghĩa với **tinh ranh**: tinh nghịch; tinh khôn; ranh ma; ranh mãnh;..  b) Các từ đồng nghĩa với **dâng** là: tặng; hiến; nộp;cho; biếu; đưa…  c) Các từ đồng nghĩa với **êm đềm** là: êm ả; êm ái; êm dịu ; êm ấm….  - Tìm từ trái nghĩa thích hợp với mỗi chỗ trống .  - Làm vở  a) Có **mới** nới **cũ.**  b) **Xấu** gỗ, **tốt** nước sơn.  c) **Mạnh** dùng sức, **yếu** dùng mưu.  - HS đọc lại các câu thành ngữ, tục ngữ.  - HS nêu: xanh xanh, xanh xao, trăng trắng, trắng trẻo, xinh xinh, xinh xắn |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Kể chuyện: Tiết 17:

***KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Chọn được một truyện nói về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác và kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện .

HS năng khiếu kể được câu chuyện ngoài SGK, kể tự nhiên, sinh động

**-** Kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có tinh thần và trách nhiệm với câu chuyện kể.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: SGK, bảng phụ,một số sách, truyện, báo liên quan.

- Học sinh: Sách giáo khoa,vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS thi kể về một buổi sum họp đầm ấm trong gia đình.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 10 phút )**  **Hoạt động 1**: Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đề bài và các gợi ý .  - GV ghi đề bài .  - GV gạch chân các từ ngữ cần chú ý: Hãy kể một câu chuyện *đã nghe hay đã* *đọc* về *những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác.*  - Gọi 1 HS đọc gợi ý  **Hoạt động 2:**  **HDHS giới thiệu câu chuyện .**  - Yêu cầu 1 số HS nêu tên câu chuyện sẽ kể.  **3. Thực hành: HS kể chuyện và trao đổi ý nghĩa câu chuyện (22 ph)**  - Tổ chức cho HS kể chuyện nhóm đôi.  - Cho HS thi kể chuyện cá nhân trước lớp  - Chọn HS có giọng kể tốt , câu chuyện hay để tuyên dương  - Người biết đem lại niềm vui cho người khác sẽ được đón nhận những gì từ mọi người xung quanh ?  **\* Củng cố, dặn dò ( 2 phút )**  - Em đã làm gì để mang lại niềm vui cho mọi người xung quanh ?  - Biết sống đẹp sẽ đem lại điều gì?  - GV nhận xét tiết học. | - 2 HS thi kể chuyện.  - Đọc đề, tìm hiểu đề bài.  - 1 HS đọc gợi ý, cả lớp đọc thầm.  + Những nhân vật biết sống đẹp: nhân vật Na, các bạn HS và cô giáo trong truyện Phần thưởng ( TV2, tập 1 ); Hai chị em Xô-phi, Mác và nhà ảo thuật trong truyện Nhà ảo thuật ( TV 3, tập 2); Những nhân vật trong truyện Chuỗi ngọc lam ( TV 5, tập 1 )  - Nêu tên câu chuyện sẽ kể  Tôi muốn kể cho các bạn nghe câu chuyện : Cụ già 80 tuổi nhịn tiêu tiền để làm từ thiện.  - Kể chuyện theo nhóm đôi .  - Thi kể chuyện cá nhân trước lớp .  - Nhận xét lời kể và câu chuyện bạn vừa kể  - Được mọi người tôn trọng và tin yêu  - HS nêu  - HS nêu suy nghĩ của mình .  VD : Biết sống đẹp đem lại niềm vui cho bản thân mình , mọi người sẽ tôn trọng mình , yêu thương và sẽ giúp đỡ mình, mình sẽ thấy hạnh phúc hơn |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**Thứ Ba,ngày 26/12/2023**

**Toán**(tiết 82):

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1/ Kiến thức, kĩ năng :**

- Biết thực hiện các phép tính với các số thập phân và giải bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3. HS năng khiếu làm BT4*

- Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính với các số thập phân và giải bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

**2/ Phẩm chất, năng lực :**

- Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: SGK, Bảng phụ

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III/HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:(5phút)**  - Cho HS hát  - Cho HS thi đua làm bài:  + Tìm 7% của 70 000?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành: ( 32 ph )**  *Bài 1:( 10 ph )*  - Gọi HS đọc y/c  **-** Hướng dẫn HS thực hiện một trong hai cách :  *Cách 1:* Chuyển phần phân số của hỗn số thành phân số thập phân rồi viết số thập phân tương ứng:  *Cách 2:* Thực hiện chia tử số của phần phân số cho mẫu số:  *Bài 2: ( 10 ph )*  - Gọi HS đọc y/c  - Y/c HS làm bài.  - Nhận xét.  ? Hỏi để củng cố cách tìm thừa số và số chia chưa biết.  *Bài 3:( 12 ph )*  - Gọi HS đọc đề  - Cho HS làm bài rồi chữa bài. Bài này có thể giải bằng hai cách.  - Nhận xét.  *Bài 4:* ***Dành cho HS năng khiếu***  **3. Vận dụng : ( 3 ph )**  - Cho HS vận dụng tìm x:  X : 1,25 = 15,95 - 4,79  - Nhận xét tiết học . .  - Bài sau: **Giới thiệu máy tính bỏ túi.** | - HS hát  - 2 HS thi làm bài.  - HS nêu cách tìm một số phần trăm của 1 số.  - HS nghe  - HS viết vở - Đặt tính rồi tính:  **\* ( Cá nhân )**  - Đọc y/c, làm bài.  4 = 4 = 4,5 ; 3 = 3 = 3,8.  2 = 2 = 2,75 ; 1= 1= 1,48.  Vì 1 : 2 = 0,5 nên 4  = 4,5.  Vì 4 : 5 = 0,8 nên 3  = 3,8....  **\* ( Cá nhân )**  - Đọc y/c  - HS làm bài  a) X x 100 = 1,643 + 7,357  X x 100 = 9  X = 9 : 100  X = 0,09  ...  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS đọc đề  *Bài giải*  *Cách 1:*  Hai ngày đầu máy bơm hút được là  35*%* + 40*%* = 75*%* (lượng nước trong hồ)  Ngày thứ ba máy bơm hút được là:  100*%* - 75*%* = 25*%* (lượng nước trong hồ )  *Cách 2:*  Sau ngày bơm đầu tiên, lượng nước trong hồ còn lại là:  100*%* - 35*%* = 65*%* ( lượng nước trong hồ)  Ngày thứ ba máy bơm hút được là: 65*%* - 40*%* = 25*%* ( lượng nước trong hồ)  *Đáp án: D*  - HS làm bài  X : 1,25 = 15,95 - 4,79  X : 1,25 = 11,16  X = 11,16 x 1,25  X = 13,95 |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KỲ I (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ôn tập các kiến thức về đặc điểm giới tính; một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân.

- Biết vệ sinh cá nhân đúng cách, đảm bảo vệ sinh phòng bệnh.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Tự phục vụ bản thân.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: sách giáo khoa.

- Học sinh: sách, vở BT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS viết vở |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** HS củng cố và hệ thống các kiến thức về : Một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân.  - Từng HS làm các bài tập trang 68 SGK và ghi lại kết quả làm việc vào vở bài tập theo mẫu sau:  - Trong các bệnh: sốt xuất huyết, sốt rét, viêm não, viêm gan A, AIDS, bệnh nào lây qua cả đường sinh sản và đường máu ?  - Theo mỗi hình SGK/68 bạn có thể phòng tránh được bệnh gì trong các bệnh sau : sốt xuất huyết, sốt rét, viêm não, viêm gan A ?  - GV gọi lần lượt một số HS lên chữa bài.  - GV nhận xét.  **Hoạt động 2:** Ôn lại kiến thức vừa ôn.  - Trò chơi: “Hái hoa dân chủ” .  - Mỗi nhóm cử đại diện lên bốc thăm câu hỏi theo nội dung bài học và trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Gia đình em đã làm gì để phòng tránh bệnh sốt xuất huyết ?  - Nhận xét tiết học. | - HS làm vở bài tập .  - HS trình bày. Lớp nhận xét.  - Trong các bệnh : sốt xuất huyết, sốt rét, viêm não, viêm gan A, AIDS, bệnh AIDS lây qua cả đường sinh sản và đường máu.  - Hình 1 phòng tránh các bệnh : sốt xuất huyết, sốt rét, viêm não.  - Hình 2, 3 và 4 phòng tránh bệnh : viêm gan A  - HS tham gia trò chơi.  - Lớp nhận xét.  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.**

Tập làm văn : Tiết 33:

***ÔN TẬP VỀ VIẾT ĐƠN***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết điền đúng nội dung vào một lá đơn in sẵn ( BT1 ) .

- Viết được đơn xin học môn tự chọn Ngoại ngữ ( hoặc Tin học ) đúng thể thức , đủ nội dung cần thiết .

**-** Rèn kĩ năng viết văn bản hành chính.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có ý thức và trách nhiệm, cẩn thận, tỉ mỉ, sử dụng từ ngữ chính xác

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Mẫu đơn xin học, phiếu học tập

- HS : SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS thi đọc đoạn văn tả hoạt động của một người  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 ph )**  Bài 1:  - Nêu yêu cầu đề .  - Tổ chức cho HS làm việc trong nhóm  -Yêu cầu trình bày đơn.  Bài 2**:**  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  - Chọn 1 vài em trình bày đơn đã viết .  **\*Củng cố, dặn dò**  **( 2 phút )**  - Khi viết đơn lời lẽ trong đơn phải như thế nào?  - Em hãy nhắc lại cấu tạo của một lá đơn.  - Về nhà tập viết đơn xin học nghề mà mình yêu thích.  - Nhận xét tiết học. | - 2 HS thi đọc  - Hoàn thành đơn xin học theo mẫu.  - Viết đơn theo mẫu ở vở BT.( Ghi nơi viết , tên của em , giới tính , ngày tháng năm sinh , nơi ở, quê quán , ...)  - Trình bày đơn đã viết trước lớp.  - Nhận xét, bổ sung  - Hãy viết đơn gửi BGH xin được học môn tự chọn về ngoại ngữ hoặc tin học .  - HS viết bài vào vở .  ĐƠN XIN HỌC MÔN TỰ CHỌN  Kính gửi Cô Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Công Sáu  Em tên là: Nguyễn Thị Lan  Nam, nữ :  Sinh ngày: Tại:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Học sinh lớp:  Em làm đơn này kính đề nghị Cô xét cho em được học môn Tiếng Anh theo chương trình tự chọn .  Em xin hứa thực hiện nghiêm chỉnh nội quy và hoàn thành nhiệm vụ học tập .  Em xin trân trọng cảm ơn .  Ý kiến của cha mẹ HS Người làm đơn  - Lời lẽ phải rõ ràng , cụ thể nơi gởi , nội dung đơn cụ thể  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Tư,ngày 27/12/2023**

Tập đọc:Tiết 34:

***CA DAO VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu ý nghĩa của các bài ca dao: Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người.( Trả lời được các câu hỏi trong SGK ) .

- Thuộc lòng 2-3 bài ca dao .

**-** Ngắt nhịp hợp lí theo thể thơ lục bát.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

+ Giáo dục HS biết yêu quý người lao động.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( HĐ1 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( HĐ2, HĐ3, HĐ4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: + Tranh minh hoạ bài trong SGK

+ Bảng phụ ghi sẵn câu ca dao cần luyện đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  Cho HS thi đọc bài ***“Ngu Công xã Trịnh Tường”*** và trả lời câu hỏi  - Ông Lìn đã làm thế nào để đưa được nước về thôn ?  - Nêu nội dung .  GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (24 phút)**  **Hoạt động 1:** Đọc văn bản(12 ph)  - Chia 3 bài ca dao  - HD giải thích thêm từ: Thánh thót  - Đọc diễn cảm cả bài.  **H/ động 2:** Tìm hiểu nội dung(12 ph)  Câu 1: Tìm những hình ảnh nói lên nỗi vất vả, lo lắng của người nông dân trong sản xuất .  Câu 2: Những câu nào thể hiện tinh thần lạc quan của người nông dân ?  Câu 3: Tìm những câu ứng với mỗi nội dung:  a) Khuyên nông dân chăm chỉ cấy cày.  b)Thể hiện quyết tâm trong lao động sản xuất.  c)Nhắc người ta nhớ ơn người làm ra hạt gạo.  +Nêu ý nghĩa các bài ca dao .  **3. Luyện tập: ( 8 phút )**  **Hoạt động 3: LĐ diễn cảm (4 phút )**  - HD đọc diễn cảm cả 3 bài  -Tổ chức thi đọc diễn cảm.  **Hoạt động 4: LĐ HTL ( 4 phút )**  - GV tổ chức HS nhẩm HTL  -GV tổ chức HS thi HTL  **\* Củng cố, dặn dò** **(2 phút )**  - Qua các câu ca dao trên, em thấy người nông dân có các phẩm chất tốt đẹp nào ?  - Sau này lớn lên, em sẽ làm gì để giúp người nông dân đỡ vất vả ?  - Nhận xét tiết học . | -2HS thi đọc + trả lời câu hỏi  - Đọc nối tiếp 3 bài ca dao  - Luyện đọc từ ngữ khó: thánh thót; muôn phần; ruộng hoang; …  - Câu khó: Cày đồng …. Muôn phần  - Giải nghĩa từ:  + Thánh thót: mồ hôi ra nhiều nhỏ thành giọt .  - Đọc nối tiếp  - Luyện đọc nhóm đôi  - Nỗi vất vả: Cày đồng buổi trưa/Mồ hôi như mưa ruộng cày/Bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần!  - Sự lo lắng: Đi cấy còn trông nhiều bề: Trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa …tấm lòng .  - Công lênh chẳng quản bao lâu. Ngày nay nước bạc ngày sau cơm vàng.  a) Khuyên nông dân chăm chỉ cấy cày:  Ai ơi, đừng bỏ ruộng hoang  Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.  b)Thể hiện quyết tâm lao động sản xuất:  Trông cho chân cứng …yên tấm lòng.  c)Nhắc người ta nhớ ơn người làm ra hạt gạo:  Ai ơi, bưng bát cơm đầy…đắng cay muôn phần.  - Lao động vất vả trên ruộng đồng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người.  -Luyện đọc diễn cảm  -Tham gia thi đọc diễn cảm  -HS đọc nhẩm từng bài ca dao  -HS thi HTL  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**(tiết 83):

**GIỚI THIỆU MÁY TÍNH BỎ TÚI**

**I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1- Kiến thức, kĩ năng:**

- Bước đầu biết dùng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân.

*- Bài tập cần làm: Bài 1;* ***Không làm BT2, BT3.***

- Không y/c: chuyển 1 số phân số thành số th/ph.

- Rèn kĩ năng dùng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân.

**2- Phẩm chất, năng lực:**

- Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, máy tính cầm tay.

- HS : SGK, máy tính cầm tay.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:(5phút)**  - Cho HS hát.  - Cho 2 HS nêu các dạng toán về tỉ số phần trăm đã học.  - HS thi đua làm bài tập:  - Tìm tỉ số phần trăm của 45 và 75.  - GV nhận xét, bổ sung.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Khám phá : ( 15 ph )**  **\*HĐ1: *Làm quen với máy tính bỏ túi***  - Y/c các nhóm quan sát máy tính, trả lời:  + Em thấy tên mặt máy tính có những gì?  + Trên đó, có ghi gì?  + Dựa vào ND các phím em hãy cho biết máy tính bỏ túi dùng để làm gì?  **\* HĐ2: *Thực hiện các phép tính***  - GV giới thiệu chung như SGK.  **3. Luyện tập thực hành: ( 17 ph )**  *Bài 1:*  - Cho HS làm nhóm 2. GV theo dõi.  - Nhận xét.  **4. Vận dụng : ( 3 ph )**  - Cho HS dùng máy tính để tính:  475,36 + 5,497 =  1207 - 63,84 =  54,75 x 7,6 =  14 : 1,25 =  - Nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS hát.  - 3 HS nêu các dạng toán về tỉ số phần trăm đã học.  - 2 HS thi đua làm bài tập.  - HS nghe  - HS ghi bảng  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS thảo luận nhóm đôi. Trả lời theo gợi ý của GV. Cả lớp nhận xét.  - Có màn hình, các phím.  - Học sinh kể tên như SGK.  - HS nêu  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS theo dõi  **\* ( Nhóm 2)**  - Các nhóm tính kết quả, sau đó dùng máy tính để kiểm tra lại kết quả , báo kết quả.  - Cả lớp cùng nhận xét và đánh giá kết quả.  *a)126,45 + 796,892 = 813,342*  *b)352,19 - 189,471 = 162,719*  *c)75,54 x 39 = 2946,06*  *d)308,85 :14,5 = 21,3*  - HS nghe và thực hiện |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Năm,ngày 28/12/2023**

**Toán** (tiết 84)

**SỬ DỤNG MÁY TÍNH BỎ TÚI ĐỂ GIẢI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**I-YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1- Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các bài toán về tỉ số phần trăm.

*- Bài tập cần làm: Bài 1 ( dòng 1, 2 ), Bài 2 ( dòng 1, 2 ). HSNK làm BT1 (dòng 3,4) ; BT2 (dòng 3,4).*

***- Không làm BT3***

- Rèn kĩ năng sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các bài toán về tỉ số phần trăm.

**2- Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích học toán.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học. ( Bài 1,2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: SGK, bảng phụ, máy tính bỏ túi...

- HS : SGK, vở, máy tính bỏ túi...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của dạy GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1.Khởi động:(3phút)**  - Cho HS chơi trò chơi: ***Tính nhanh, tính đúng.***  - Cách chơi:Mỗi đội gồm có 4 HS, sử  dụng máy tính bỏ túi để tính nhanh kết quả phép tính: 125,96 + 47,56 ; 985,06  15; 352,45 - 147,56 và 109,98 : 42,3  - Đội nào có kết quả nhanh và chính xác hơn thì đội đó thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng.  **2. Khám phá : ( 17 ph )**  **HĐ1: *HD sử dụng máy tính để giải toán***  *VD1*: Tính tỉ số phần trăm của 7 và 40.  - Gọi 1 em nêu cách tính theo quy tắc:  - GV yêu cầu HS sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện bước tìm thương  7 : 40  *VD2*: Tính 34% của 56.  Sau khi HS tính, nêu kết quả.  - GV hướng dẫn: Ta có thể thay 34:100 bằng 34 %. Ta ấn các phím như nêu trong SGK:  5  6  x  3  %  4  *VD3*: Tìm một số biết 65% của nó bằng 78.  Sau khi HS tính, GV gợi ý cách ấn các phím để tính là:  %  5  6  :  8  7  **3. Luyện tập thực hành: ( 17 ph )**  *Bài 1:( 10 ph )*  - Cho từng cặp HS thực hành, một em bấm máy tính, một em ghi vào bảng. Sau đó, đổi lại.  *Bài 2:* ( 7 ph )  - Cho HS làm nhóm 2.   |  |  | | --- | --- | | Thóc(kg) | Gạo(kg) | | 100 | 69 | | 150 | 103,5 |   **3. Vận dụng : ( 3 ph )**  - Cho HS dùng máy tính để tính:  *Số học sinh tiểu học ở một xã là 324 em và chiếm 16% tổng số dân của xã đó. Tính số dân của xã đó.*  - Nhận xét tiết học.  - Bài sau: **Hình tam giác.** | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  - HS trả lời.  - Tìm thương của 7 và 40?  - Nhân thương đó với 100 và viết kí hiệu % vào bên phải số tìm được.  - HS thao tác với máy tính và nêu:  7 : 40 = 0,175 = 17,5%  \* HS nêu cách tính theo quy tắc  - HS thực hiện, nêu kết quả.  \* HS nêu cách tính theo quy tắc.  - Sau đó, tính bằng máy tính và đối chiếu kết quả.  - HS nêu cách tính đã biết:  78 : 65 x 100  - Rút ra cách sử dụng.  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS thảo luận làm bài.  +An Hà: 50,81%  +An Hải: 50,86%  ***\* HS năng khiếu làm hết BT1***  **\* ( Nhóm 2 )**  - Các nhóm làm bài, trình bày kết quả và cách tính. Cả lớp cùng chấm bài. Rút ra cách tính.  ***\* HS năng khiếu làm hết BT2***  - HS tính:  324 : 16 x 100 = 2025(người) |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Luyện từ và câu: Tiết 34:

***ÔN TẬP VỀ CÂU***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Tìm được 1 câu hỏi , 1 câu kể , 1 câu cảm , 1 câu khiến và nêu được dấu hiệu của mỗi kiểu câu đó ( BT1 ) .

- Phân loại được các kiểu câu kể ( Ai làm gì ? Ai thế nào ? Ai là gì ? ) ; xác được **chủ ngữ, vị ngữ,** trong từng câu theo yêu cầu của BT2 .

**-** Rèn kĩ năng nhận biết các kiểu câu đã học.

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ ( BT1,2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Phiếu bài tập 2

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS thi đặt câu lần lượt với các yêu cầu:  + Câu có từ đồng nghĩa  + Câu có từ đồng âm  + Câu có từ nhiều nghĩa  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (30 ph )**  Bài 1 : - Cho HS đọc đề .  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  Bài 2 : - Cho HS đọc đề .  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  - GV cho HS đọc lại các kiểu câu kể vừa tìm được .  **3. Vận dụng**  **( 2 phút )**  - Cho HS đặt câu kể theo các mẫu câu: Ai là gì ? Ai làm gì ? Ai thế nào ?  **\*Củng cố, dặn dò**  **( 2 phút )**  - Về nhà viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về gia đình trong đó có sử dụng các mẫu câu trên.  - GV nhận xét tiết học. | - HS thi đặt câu  - Đọc đề  - Đọc mẩu chuyện vui Nghĩa của từ “ cũng” và thực hiện nhiệm vụ nêu bên dưới .  - Thảo luận nhóm đôi, trả lời .  +**Câu hỏi**:  -Nhưng vì sao cô biết cháu cóp bài của bạn ạ?  **+Câu kể:**  -Cháu nhà chị hôm nay cóp bài kiểm tra của bạn.  +**Câu cảm**:  -Thế thì đáng buồn quá!  +**Câu khiến**:  -Em hãy cho biết đại từ là gì.  \* **Dấu hiệu nhận biết**:  - Câu hỏi: Câu dùng để hỏi điều chưa biết. Cuối câu có dấu chấm hỏi?  - Câu kể: Câu dùng để kể sự việc. Cuối câu có dấu chấm hoặc hai chấm  - Câu cảm: Câu bộc lộ cảm xúc.Cuối câu có dấu chấm than .  - Câu khiến: Câu nêu yêu cầu, đề nghị. Trong câu có từ hãy  - Đọc đề .  - Phân loại các kiểu câu kể trong mẩu chuyện: Quyết định độc đáo . Xác định TN, CN, VN của từng câu .  - Thảo luận nhóm 4, trả lời .  **+ Ai làm gì?**  - Cách đây không lâu (TN), / lãnh đạo Hội đồng thành phố Not-tinh-ghêm ở nước Anh (C)// đã quyết định phạt tiền……không đúng chuẩn (V).  - Ông Chủ tịch Hội đồng thành phố (C)// tuyên bố sẽ không kí bất cứ văn bản nào có lỗi ngữ pháp và chính tả (V).  **+Ai thế nào**?  - Theo quyết định này, mỗi lần mắc lỗi(TN)/ công chức (C)// sẽ bị phạt 1 bảng (V).  - Số công chức trong thành phố (C) // khá đông(V).  + **Ai là gì?**  - Đây(C)//là một biện pháp mạnh nhằm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Anh (V).  - HS đặt câu  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................

**Địa lí:**

**ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết một số đặc điểm về dân cư, các ngành kinh tế ở nước ta ở mức độ đơn giản.

- Chỉ trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn của nước ta.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước, ham tìm hiểu địa lí.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: sách giáo khoa.

- Học sinh: sách, vở BT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS viết vở |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** HS ôn lại kiến thức về các dân tộc và sự phân bố.  - Hướng dẫn HS ôn nội dung sau :  - Nước ta có bao nhiêu dân tộc?  - Dân tộc nào có số dân đông nhất?  - Họ sống chủ yếu ở đâu?  - Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở đâu?  - GV chốt: Nước ta có 54 dân tộc, dân tộc kinh chiếm đa số, sống ở đồng bằng, dân tộc ít người sống ở miền núi và cao nguyên.  **Hoạt động 2:** HS nhớ lại về các hoạt động kinh tế ở VN.  - GV đưa ra hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, HS thảo luận nhóm đôi trả lời.  Chỉ có khoảng 1/4 dân số nước ta sống ở nông thôn, vì đa số dân cư làm công nghiệp.  Vì có khí hậu nhiệt đới nên nước ta trồng nhiều cây xứ nóng, lúa gạo là cây được trồng nhiều nhất.  Nước ta trâu bò dê được nuôi nhiều ở miền núi và trung du, lợn và gia cầm được nuôi nhiều ở đồng bằng.  Nước ta có nhiều ngành công nghiệp và thủ công nghiệp.  Đường sắt có vai trò quan trọng nhất trong việc vận chuyển hàng hóa và hành khách ở nước ta.  Hàng nhập khẩu chủ yếu ở nước ta là khoáng sản, hàng thủ công nghiệp, nông sản và thủy sản.  - GV tổ chức cho HS sửa bảng Đ – S.  **Hoạt động 3:** HS ôn lại hoạt động thương mại ở VN và các trung tâm thương mại lớn ở nước ta.  - GV phát mỗi nhóm bàn lược đồ câm yêu cầu HS thực hiện theo yêu cầu.  1. Điền vào lược đồ các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.  2. Điền tên đường quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam.  - GV sửa bài, nhận xét.  - Từ lược đồ sẵn ở trên bảng giáo viên hỏi nhanh 2 câu sau để học sinh trả lời.  - Những thành phố nào là trung tâm công nghiệp lớn nhất, là nơi có hoạt động thương mại phát triển nhất cả nước?  - Những thành phố nào có cảng biển lớn bậc nhất nước ta?  - GV chốt, nhận xét.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Nhận xét tiết học. | - 54 dân tộc.  - Kinh  - Đồng bằng.  - Miền núi và cao nguyên.  - Lớp nhận xét bổ sung.  - HS nhắc lại.  - HS làm việc dựa vào kiến thức đã học đánh dấu Đ – S vào ô trống trước mỗi ý.  + S  + S  + Đ  + Đ  + S  + S  - HS sửa bài.  - Thảo luận nhóm.  - HS nhận phiếu học tập thảo luận và điền tên trên lược đồ.  - Nhóm nào thực hiện nhanh đính lên bảng.  - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.  - Đà Nẵng, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KỲ I (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ôn tập các đặc điểm, tính chất một số vật liệu thường dùng.

- Biết được các công dụng và cách bảo quản một số vật liệu thường dùng.

- Vận dụng các vật liệu thường dùng vào trong đời sống.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Tự phục vụ bản thân.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: sách giáo khoa

- Học sinh: sách, vở BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS viết vở |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** HS củng cố và hệ thống các kiến thức về tính chất và công dụng của 1 số vật liệu đã học.  - Nhóm trưởng điều khiển các bạn quan sát các hình trang 63: Xác định tên sản phẩm trong từng hình sau đó nói tên các vật liệu làm ra sản phẩm đó.  - GV gọi HS trình bày.  - Mỗi HS nói về một hình, các học sinh khác bổ sung.  - GV nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 2:** Tính chất và công dụng của một số vật liệu đã học.  - GV chia lớp thành 3 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm. Mỗi nhóm chỉ nêu tính chất, công dụng của một số vật liệu đã học.  - Nhóm 1: Làm bài tập về tính chất, công dụng của tre, mây, song, sắt, gang, thép.  - Nhóm 2: Làm bài tập về tính chất, công dụng của đồng và hợp kim của đồng, nhôm, gốm xây dựng, xi măng.  - Nhóm 3: Làm bài tập về tính chất, công dụng của thủy tinh, cao su, chất dẻo, tơ sợi.  - GV nhận xét – chốt ý .  **Hoạt động 3:** Ôn lại kiến thức vừa học.  - Yêu cầu HS nêu nội dung bài học.  - GV hỏi :  + Tại sao em lại cho rằng làm cầu bắc qua sông; làm đường ray tàu hỏa lại phải sử dụng thép?  + Để xây tường, lát sân, lát sàn nhà lại sử dụng gạch?  + Tại sao lại dùng tơ, sợi để may quần áo, chăn màn?  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Nhận xét tiết học. | - HS làm việc theo nhóm.  - Đại diện trình bày .  - Lớp nhận xét .  - Chia nhóm theo hướng dẫn .  - Nhóm trưởng điều khiển các bạn làm việc.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Lớp nhận xét.  - 2 HS nêu lại nội dung chính.  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ

Chủ điểm tháng 12: **UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN**

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1/ Kiến thức, kĩ năng :**

- Giúp học sinh biết và hiểu thêm các bài hát về anh bộ đội cụ Hồ, về truyền thống cách mạng của quê hương đất nước. Qua đó phát huy phát triển văn nghệ của lớp.

- Thêm tự hào và yêu mến anh bộ đội cụ Hồ, tự hào về quê hương .

- Bồi dưỡng kĩ năng, phong cách biểu diễn tiết mục văn nghệ.

- Rèn luyện kỹ năng trình bày, biết lắng nghe biết phân tích, tổng hợp và chọn thông tin.

**2/ Phẩm chất, năng lực :**

- Giáo dục tinh thần làm chủ tập thể.

**-**  Năng lực làm chủ tập thể .

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- Các nhóm tổ, cá nhân chuẩn bị các tiết mục văn nghệ.

- Bản giới thiệu chương trình.

- Tranh thảo luận nhóm.

**III/CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động thầy | Hoạt động trò |
| ***1. Khởi động :( 5 phút )***  - Cả lớp hát bài hát kết hợp vận động phụ họa.  ***2. Luyện tập thực hành : ( 30 phút )***  + Hát tập thể.  + Tuyên bố lí do  + Tổ chức HS kể chuyện, đọc thơ về chủ đề bộ đội và những người có công  + Kết thúc.  - GVCN phát biểu và nhận xét kết quả hoạt động.  - Đề nghị các tổ sưu tầm tranh ảnh, thơ,văn, đề tài,… về chú bộ đội hoặc tự viết thơ, văn xuôi về chú bộ đội, vẽ tranh về chú bộ đội.  ***3/ Củng cố- dặn dò :( 5 phút )***  - GD học sinh biết giữ gìn và phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn bằng việc cố gắng học tập và rèn luyện đạo đức cho thật tốt. | - HS hát.  -Cả lớp hát đồng thanh.  HS kể chuyện, đọc thơ về chủ đề bộ đội và những người có công .  -HS lắng nghe và thực hiện.  -HS trình bày theo nhóm.  -HS lăng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Tập làm văn: Tiết 34:

***TRẢ BÀI VĂN TẢ NGƯỜI***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết rút kinh nghiệm để làm tốt bài văn tả người ( bố cục , trình tự miêu tả , chọn lọc chi tiết , cách diễn đạt , trình bày ) .

- Nhận biết được lỗi trong bài văn và viết lại một đoạn văn cho đúng .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có tinh thần học hỏi những câu văn hay, đoạn văn hay của bạn.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ ghi sẵn một số lỗi về chính tả cách dùng từ, cách diễn đạt , ngữ pháp...cần chữa chung cho cả lớp

- HS : SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS thi đọc đơn: Đơn xin học môn tự chọn  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 ph )**  **a/ GV nhận xét chung về kết quả bài làm**  **-** Y/c HS đọc lại đề bài và nêu y/c  **-** Nhận xét chung  - Nêu những thiếu sót hạn chế.  **b/ H/Dẫn HS chữa lỗi** .  - GV trả vở cho từng HS  - Hư­­­ớng dẫn HS chữa những lỗi chung  + GV viết một số lỗi về dùng từ, chính tả, câu để HS chữa.  - Hướng dẫn HS sửa 1 số lỗi về ý, cách diễn đạt.  - Hướng dẫn HS sửa lỗi trong bài  **c/ H/Dẫn HS học tập những đoạn văn hay**  - GV đọc cho học sinh nghe một vài đoạn văn, bài văn tiêu biểu  - Y/c HS tham khảo viết lại một đoạn văn cho hay hơn.  - Yêu cầu HS trình bày  - GV nhận xét đánh giá  **\*Củng cố, dặn dò**  **( 2 phút )**  - Nhắc nhở tổng kết số lỗi cần rút kinh nghiệm.  - Về hoàn chỉnh đoạn văn cho hay hơn  - Nhận xét tiết học | - 3 HS thi đọc  - Đọc và xác định yêu cầu của đề.  - Lắng nghe lời nhận xét của GV có rơi vào lỗi của mình  - HS nhận vở  - Một số HS lên bảng chữa, d­ưới lớp chữa vào vở.  - Lỗi chính tả :  + dảng dị giản dị  + mặt áo mặc áo  + nét nhăn nếp nhăn  + tung té tung tóe  + quản cố quảng cáo  - Lỗi từ, câu :  + cầm gậy - chống gậy  + mang kính – đeo kính  - Câu văn:  + Cái đầu bà tròn, tóc bà trắng như cước.  Tóc bà bạc phơ như những bà tiên trong truyện cổ tích .  - Đọc lời nhận xét của GV và tự sửa lỗi, đổi bài cho bạn để sửa lỗi  - HS theo dõi lắng nghe, thảo luận với bạn bè về cái hay cái đáng học của đoạn văn, bài văn về cách dùng từ, sử dụng phép nhân hoá so sánh…  - Chọn 1 đoạn văn trong bài viết chưa hay, chưa đạt viết lại cho hay hơn.  - Một số HS tiếp nối đọc đoạn văn mình viết lại  VD : (Tả một em bé đang tuổi tập đi, tập nói).  - Chữa đoạn kết bài : Bé My là niềm vui của gia đình, cả nhà ai cũng cưng bé, riêng em, cố gắng góp phần dạy bé nói, cho bé tập đi, mong bé mau lớn để cùng em đi học .  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kĩ thuật:**

**MỘT SỐ GIỐNG GÀ ĐƯỢC NUÔI NHIỀU Ở NƯỚC TA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kể được tên và nêu được đặc điểm chủ yếu của một số giống gà được nuôi nhiều ở nước ta.

- Biết liên hệ thực tế để kể tên và nêu đặc điểm chủ yếu của một số giống gà được nuôi ở gia đình hoặc địa phương (nếu có).

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu quý vật nuôi, giúp gia đình chăm sóc chúng.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:SGK, bảng phụ, câu hỏi thảo luận

- HS: Sách, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Nuôi gà đem lại những lợi ích gì ?  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS nêu  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Kể tên một số giống gà đ­­ược nuôi nhiều ở n­ước ta và địa phương.  - GV nêu hiện nay ở n­ước ta nuôi rất nhiều giống gà khác nhau . Em nào có thể kể tên một số giống gà mà em biết?  \* GV kết luận hoạt động 1: Có nhiều giống gà đư­­ợc nuôi nhiều ở nư­­ớc ta. Có những giống gà nội như­ gà gi , gà đông cảo, gà mía , gà ác...Có những giống gà nhập nội như­ gà tam hoàng , gà lơ go , gà rốt , Có những giống gà lai như­ gà rốt - ri ...  **Hoạt động 2**. Tìm hiểu đặc điểm của một số giống gà đ­ược nuôi nhiều ở n­ước ta.  - GV cho HS thảo luận trên phiếu học tập. | - HS kể tên giống gà mà mình biết .  - HS kể tên các giống gà :Gà nội, gà nhập nội, gà lai, Gà ri,gà Đông Cảo,gà mía, gà ác… gà Tam Hoàng, gà lơ-go……  - HS nghe .  - HS thảo luận. |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tên giống gà | Đặc điểm hình dạng | Ưu điểm chủ yếu | Như­ợc điểm chủ yếu | | Gà gi |  |  |  | | Gà ác |  |  |  | | Gà Lơ -go |  |  |  | | Gà tam hoàng |  |  |  | | |
| - GV phát phiếu cho HS thảo luận .  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả  - GV nhận xét kết quả làm việc của từng nhóm  - GV kết luận nội dung bài học.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nhà em có nuôi gà không ? Đó là những loại gà nào ?  - Nhận xét tiết học | - Các nhóm trình bày .  - HS nghe GV kết luận.  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Sáu,ngày 29/12/2023**

Toán ( tiết 85 ):

**HÌNH TAM GIÁC**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1- Kiến thức, kĩ năng :**

- Nhận biết được đặc điểm hình tam giác có: ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.

- Phân biệt ba dạng hình tam giác ( phân loại theo góc ).

- Nhận biết đáy và đường cao ( tương ứng) của hình tam giác.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.* *HS năng khiếu làm BT3*

- Rèn kĩ năng phân biệt ba dạng hình tam giác ( phân loại theo góc ).

**2- Phẩm chất, năng lực :**

- Làm bài cẩn thận.

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. ( Bài 1,2 )

**II- ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: SGK, bảng phụ, các hình tam giác như SGK; Êke.

- HS : SGK, bảng con, vở, Êke.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt dộng của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:(5 phút)**  - Chia HS thành các đội, thi nhau xếp nhanh 6 que tính để được: 1 hình tam giác, 2 hình tam giác, 4 hình tam giác.. theo yêu cầu của quản trò.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài- Ghi bảng  **2. Khám phá : ( 15ph )**  **\* HĐ1: *Giới thiệu đặc điểm của hình tam giác***  - Gọi HS chỉ ra ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.  - Cho HS viết tên ba cạnh, ba góc, ba đỉnh của mỗi hình tam giác.  **\*HĐ 2: *Giới thiệu ba dạng hình tam giác***  ***( theo góc):***  - GV giới thiệu đặc điểm:  + Hình tam giác có ba góc nhọn.  + Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn.  + Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn.  **\*HĐ 3: *Giới thiệu đáy và đường cao ( tương ứng)***  - GV giới thiệu hình tam giác ABC, nêu tên đáy ( BC ) và đường cao ( AH ) tương ứng.  A  B  H  C  H  B  C  B  C  A  A  **3. Luyện tập thực hành: ( 17 ph )**  *Bài 1:*  - Gọi 1 em đọc yêu cầu đề  - Gọi HS lần lượt lên viết ba cạnh, ba góc của mỗi hình tam giác dưới đây:  A  B  C  K  N  M  E  G  D  *Bài 2:*  - Gọi HS lên bảng chỉ ra đáy và đường cao tương ứng được vẽ trong các hình tam giác sau:  *Bài 3:* ***Dành cho HS năng khiếu***  ***4. Vận dụng: ( 3 ph )***  + Nêu đặc điểm của hình tam giác.  - Bài sau**: Diện tích hình tam giác.** | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  - HS nhìn hình trả lời.  - HS viết tên ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.  - HS nhận dạng, tìm ra những hình tam giác theo từng dạng ( góc) trong tập hợp nhiều hình hình học ( theo các hình do GV vẽ).  - HS theo gợi ý của GV nêu lại:  + Độ dài đoạn thẳng từ đỉnh vuông góc với đáy tương ứng gọi là chiều cao của hình tam giác.  - HS tập nhận biết đường cao của hình tam giác ( dùng ê ke) trong các trường hợp:    **\* ( Nhóm 2 )**  - Đọc y/c.  - Dựa vào hình vẽ HS thảo luận nhóm đôi và thực hành. Sau đó, trình bày. Cả lớp theo dõi và nhận xét.  **\* ( Cá nhân )**  - HS thự hiện yêu cầu.  - HS |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

HĐTT

**SINH HOẠT LỚP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐAT:**

**1/ Kiến thức, kĩ năng :** Sơ kết các hoạt động tuần qua.

- Triển khai phương hướng tuần tới.

-Giúp học sinh có ý kiến, tự tin phát biểu ý kiến trước tập thể.

- Có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

**2/ Phẩm chất, năng lực :** Giáo dục tinh thần làm chủ tập thể

**-**Có ý thức trách nhiệm với việc mình làm, rút kinh nghiệm để tiến bộ hơn.

- Năng lực làm chủ tập thể .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần.

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị nội dung. Kế hoạch tuần đến.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1/ Khởi động : ( 3 phút )** HS hát tập thể 1 bài hát.  - GV nhận xét .  - GV dẫn dắt vào bài- giới thiệu bài .  **2/ Luyện tập thực hành :( 35 phút )**  \* **Hoạt động 1: Đánh giá hoạt động tuần qua ( 20 phút )**  - GV nhận xét, kết luận.  **\*Ưu điểm:** Tập thể lớp đoàn kết; năng động; mỗi thành viên trong lớp đều có ý thức vươn lên vì mọi người.  **\* Tồn tại:** Một số tồn tại mà các em đã nêu trên cần phải khắc phục ngay. Để xây dựng tập thể vững mạnh.  - GV tuyên dương.  **Hoạt động 2 : ( 15ph ) Kế hoạch tuần đến .**  - Yêu cầu lớp thảo luận nhóm lớn trong thời gian 5 phút.  \* GV bổ sung thêm vào kế hoạch .  - **GV nhận xét, kết luận**:  **3. Củng cố dặn dò : ( 2 ph )**  - Nhận xét – dặn dò : | - Cả lớp hát.  - CTHĐTQ điều hành việc đánh giá sơ kết hoạt động tuần qua .  - Lần lượt từng trưởng ban đánh giá ưu điểm và tồn tại trong tuần qua  - Các ban thảo luận nhóm lớn tìm ra những giải pháp khắc phục những mặt tồn tại .  - Chủ tịch HĐTQ nhận xét chung các ban.  - HS lắng nghe.  **CTHĐTQ triển khai kế hoạch tuần đến.**  ***+ Học tập***: - Nâng cao tinh thần tự giác trong học tập và rèn luyện  - Trong giờ học tham gia phát biểu xây dựng bài, không nói chuyện riêng……….  ***+ Lao động- kỉ luật:***  - Thực hiện nghiêm túc các nề nếp của lớp, của trường.  - Thực hiện tốt nội quy trường lớp…  ***+ Thư viện:*** - Tích cực tham gia đọc sách, báo, truyện….  ***+ Văn thể mỹ:***  - Thực hiện tiếng hát đầu giờ, giữa giờ, cuối giờ…  - HS thảo luận nhóm lớn.  - HS trình bày ý kiến :  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức:**

**SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu được việc sử dụng, chi tiêu tiền hợp lí.

- Biết chi tiêu trong cuộc sống hàng ngày một cách hợp lí.

- Biết tiết kiệm tiền.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Trung thực, chăm chỉ trong học tập.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Một số câu hỏi.

- HS: Vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Tổ chức cho HS trò chơi: ‘‘ Tập làm phóng viên nhỏ tuổi”.  - Giáo viên giới thiệu bài. | - HS tham gia trò chơi. |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Thảo luận nhóm đôi  - GV đưa ra câu hỏi: Theo em, sử dụng tiền hợp lí nên làm gì và không nên làm gì?  - Yêu cầu HS lập kế hoạch sử dụng tiền hợp lí.  -Mời một vài bạn trình bày kế hoạch.  - GV nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 2:**Liên hệ  - GV hỏi: Em đã biết sử dụng tiền hợp lí chưa? Em dự định sẽ tiết kiệm sách vở, đồ dùng, đồ chơi như thế nào? Hãy trao đổi về dự định của em với các bạn trong nhóm.  - GV nhận xét, tuyên dương  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Sử dụng tiền hợp lí là sử dụng như thế nào?  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu  - Đại diện nhóm trình bày  + Nên: Tiêu xài tiền hợp lí, ăn uống phù hợp không phung phí, khóa nước cẩn thận khi sử dụng xong, tắt điện và thiết bị điện khi ra ngoài....  + Không nên: Mua đồ phung phí, để thừa nhiều thức ăn, xả nước chảy phung phí, thường xuyên mua đồ ăn vặt....  - HS lập kế hoạch  - Một vài bạn trình bày  - HS lắng nghe và thực hiện yêu cầu.  - HS trình bày, một số bạn khác nhận xét và bổ sung.  - Em đã biết sử dụng tiền hợp lí. Em dành một phần tiền ăn sáng và chi tiêu mẹ cho để bỏ vào lợn tiết kiệm, không mua những thứ không cần thiết.... Em dự định tiết kiệm sách vở, đồ dùng, đồ chơi bằng cách sử dụng lại bộ sách giáo khoa cũ, bộ đồ dùng học tập cũ...  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................